



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

(Kèm theo quyết định số: /QĐ - VPCNCLQG ngày tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

Tên tổ chức giám định : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH NAM VIỆT**
Name of Inspection Body: **NAVICONTROL CORPORATION (NVC CORP.)**
Mã hiệu công nhận
Accreditation Code: **VIAS 054**
Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17020: 2012**
Địa chỉ trụ sở chính : **Số 4/6 Đường Số 3, Khu Phố 4, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Head office address: **4/6 3rd Street, Quarter 4, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**
Địa điểm công nhận : **Số 4/6 Đường Số 3, Khu Phố 4, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Accredited locations: **4/6 3rd Street, Quarter 4, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**
Điện thoại/ Tel: **(84.8) 22531519**
Email: **nvco@navicontrol.com.vn** Website: **<http://navicontrol.com.vn>**
Loại tổ chức giám định : **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện : **Nguyễn Thế Long**
Authorized Person: **Nguyen The Long**
Hiệu lực công nhận /
Period of Validation: **Từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031**



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
Scope of Accredited Inspections

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Inspection Methods and Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Hàng Hải <i>Marine</i>	- Giám định con tàu trước khi cho thuê và nhận lại - <i>On- Off hire survey</i>	PPGD 23-2017/ Ver.3	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>
Tồn Thất <i>Damage Survey</i>	- Giám định tồn thất hàng hóa - <i>Damage survey</i>	PPGD 07-2017/ Ver.3	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>
Định Lượng <i>Quantity</i>	- Khối lượng theo món nước - Khối lượng theo Phương pháp thể tích - Số lượng theo Phương pháp đo thể tích - <i>Weight by draft survey</i> - <i>Weight by volume method</i> - <i>Quantity by volume method</i>	PPGD 22-2017/ Ver.3 PPGD 30-2017/ Ver.3 PPGD 31-2017/ Ver. 5 PPGD 33-2017/ Ver. 5 PPGD 42-2017 Ver. 4	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>
Máy Móc, Thiết Bị: Máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ <i>Machinery, equipments: Machinery, equipment and technological lines</i>	- Số lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật, tình trạng, chất lượng ngoại quan, tính đồng bộ - <i>Quantity, type, technical specifications, condition, quality, synchronism</i>	PPGD 03-2017/ Ver.3 PPGD 10-2017/ Ver.3 PPGD 14-2017/ Ver.4	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Inspection Methods and Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Máy Móc, Thiết Bị: Máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng Machinery, equipments: <i>Used machinery, equipment and technological lines</i>	- Tên thiết bị, hiệu, model, năm sản xuất, nước sản xuất, đồng bộ, công suất, mức tiêu hao năng lượng, mức tiêu hao nguyên vật liệu, độ rung cục bộ, tiếng ồn, đánh giá về công nghệ của dây chuyền, tính phổ biến của công nghệ, các chỉ tiêu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; đánh giá phù hợp theo điều 5 và điều 6 của quyết định 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 (được sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 28/2022/QĐ-TTg ngày 20/12/2022). - <i>Equipment name, make, model, year of manufacture, country of manufacture, completeness, capacity, energy consumption, raw material consumption, local vibration, noise level; assessment of the production line technology, prevalence of the technology, safety, energy efficiency and environmental protection criteria; and conformity assessment in accordance with Articles 5 and 6 of Decision No. 18/2019/QĐ-TTg dated 19 April 2019 (as amended and supplemented by Decision No. 28/2022/QĐ-TTg dated 20 December 2022).</i>	PPGD 03-2017/ Ver.3 PPGD 14-2017/ Ver.4 PPGD 16A-2019/ Ver.6 PPGD 38A-2019/ Ver. 5 PPGD 39B-2019 /Ver. 4	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Inspection Methods and Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Giám sát xếp hàng nguy hiểm vào container: Cacbon có nguồn gốc thực vật (UN 1361, Class 4.2) <i>Supervision of dangerous goods loading into containers:</i> <i>Carbon, vegetable origin (UN 1361, Class 4.2)</i>	- Kiểm tra và giám sát quá trình xếp hàng nguy hiểm vào container - <i>Inspection and supervision of the loading of dangerous goods into containers</i>	PPGD 55-2025/ Ver.3	Phòng hiện trường <i>Technical inspection division</i>

Ghi chú/ Note:

- PPGD xx: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- Trường hợp Công ty Cổ phần Giám định Nam Việt cấp dịch vụ giám định thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the NAVICONTROL Corporation that provides inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP VÀ / HOẶC QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
List of Inspection Methods and / or procedures

Stt	Tên phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã hiệu phương pháp / qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
1.	Phương pháp giám định số lượng chi tiết	PPGD 03-2017/ Ver.3
2.	Phương pháp giám định tổn thất	PPGD 07-2017/ Ver.3
3.	Phương pháp giám định tính chuyên dùng của máy móc thiết bị	PPGD 10-2017/ Ver.3
4.	Phương pháp giám định tình trạng – tính đồng bộ máy/thiết bị	PPGD 14-2017/ Ver.4
5.	Phương pháp giám định máy móc thiết bị đã qua sử dụng có tuổi không phù hợp quy định tại quyết định số 18/2019/QĐ-ttg ngày 19/4/2019	PPGD 16A-2019/ Ver.6
6.	Phương pháp giám định xác định khối lượng hóa chất lỏng chuyên chở bằng tàu biển	PPGD 22-2017/ Ver.3
7.	Phương pháp giám định con tàu trước khi cho thuê và nhận lại (on-off hire survey)	PPGD 23-2017/ Ver.3
8.	Phương pháp giám định nhựa đường lỏng chở trên tàu biển	PPGD 30-2017/ Ver.3
9.	Phương pháp giám định khối lượng hàng hóa qua mớn nước	PPGD 31-2017/ Ver. 5
10.	Phương pháp giám định số/khối lượng xăng dầu từ tàu giao sang tàu nhận hoặc lên bờn.	PPGD 33-2017/ Ver. 5
11.	Phương pháp giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại quyết định số 18/2019/QĐ-Ttg ngày 19/4/2019	PPGD 38A-2019/ Ver. 5
12.	Phương pháp giám định máy móc thiết bị đã qua sử dụng có tuổi phù hợp quy định tại quyết định số 18/2019/QĐ-Ttg ngày 19/4/2019	PPGD 39B-2019/ Ver. 4
13.	Phương pháp giám định thể tích cát chuyên chở trên phương tiện vận tải thủy	PPGD 42-2017/ Ver. 4
14.	Quy trình giám sát xếp hàng nguy hiểm	PPGD 55-2025/ Ver.3